BỘ TƯ PHÁP
TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH SINH VIÊN KHÓA 50 TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC HÌNH THỨC ĐÀO TẠO CHÍNH QUY TRÚNG TUYỂN HỌC CÙNG LÚC HAI CHƯƠNG TRÌNH - NGÀNH LUẬT

(Kèm theo Quyết định số 2097/QĐ-ĐHLHN ngày 08 tháng 10 năm 2026 của Hiệu trưởng Trường Đại học Luật Hà Nội)

STT	MSSV	Họ và tên	Ngành đang học	Điểm TBC
1	251102594	Bùi Thu Hằng	Ngôn ngữ Anh	3,62
2	251102507	Nguyễn Hiền Anh	Ngôn ngữ Anh	3,38
3	251102544	Đỗ Đức Minh	Ngôn ngữ Anh	3,37
4	251102596	Nguyễn Mai Hoa	Ngôn ngữ Anh	3,37
5	251102482	Nguyễn Hồng Phong	Ngôn ngữ Anh	3,34
6	251102581	Vũ Ngọc Bích	Ngôn ngữ Anh	3,33
7	251102551	Lê Thu Phương	Ngôn ngữ Anh	3,28
8	251102509	Nguyễn Ngọc Anh	Ngôn ngữ Anh	3,28
9	251102470	Nguyễn Hoàng Linh	Ngôn ngữ Anh	3,27
10	251102496	Lưu Hồ Đoan Trang	Ngôn ngữ Anh	3,27
11	251102526	Mạc Minh Hà	Ngôn ngữ Anh	3,26
12	251102513	Nguyễn Hoàng Bách	Ngôn ngữ Anh	3,26
13	251102630	Mai Thuỳ Trang	Ngôn ngữ Anh	3,26
14	251102488	Nguyễn Tú Sương	Ngôn ngữ Anh	3,24
15	251102499	Nguyễn Anh Tú	Ngôn ngữ Anh	3,23
16	251102632	Nguyễn Đình Trung	Ngôn ngữ Anh	3,23
17	251102521	Nguyễn Minh Đức	Ngôn ngữ Anh	3,21
18	251102529	Nguyễn Trung Hiếu	Ngôn ngữ Anh	3,21
19	251102603	Nguyễn Gia Linh	Ngôn ngữ Anh	3,20
20	251102532	Nguyễn Ngọc Gia Khang	Ngôn ngữ Anh	3,20
21	251102633	Bùi Phương Uyên	Ngôn ngữ Anh	3,20
22	251102595	Nguyễn Thuý Hiền	Ngôn ngữ Anh	3,20
23	251102494	Chu Nguyễn Minh Thùy	Ngôn ngữ Anh	3,19
24	251102565	Nguyễn Đắc Trọng	Ngôn ngữ Anh	3,18
25	251102528	Nguyễn Thị Minh Hằng	Ngôn ngữ Anh	3,17
26	251102550	Đậu Mai Phương	Ngôn ngữ Anh	3,17
27	251102463	Đào Thị Nhân Huệ	Ngôn ngữ Anh	3,16
28	251102571	Lê Mai Linh Anh	Ngôn ngữ Anh	3,16
29	251102606	Phạm Khánh Linh	Ngôn ngữ Anh	3,15
30	251102503	Đặng Quỳnh Anh	Ngôn ngữ Anh	3,13
31	251102634	Nguyễn Vũ Thảo Vi	Ngôn ngữ Anh	3,12
32	251102549	Nguyễn An Phú	Ngôn ngữ Anh	3,11
33	251102561	Phạm Thị Thanh Thuỷ	Ngôn ngữ Anh	3,09
34	251102622	Đỗ Duy Tấn	Ngôn ngữ Anh	3,06
35	251102554	Phùng Thị Quế	Ngôn ngữ Anh	3,06
36	251102495	Đinh Thị Ngọc Trang	Ngôn ngữ Anh	3,06
37	251102552	Nguyễn Thị Mai Phương	Ngôn ngữ Anh	3,06
38	251102556	Nguyễn Phương Thảo	Ngôn ngữ Anh	3,05
39	251102502	Lê Nguyễn An	Ngôn ngữ Anh	3,04
40	251102558	Vũ Thị Quỳnh Thơ	Ngôn ngữ Anh	3,04
41	251102626	Nguyễn Hà Anh Thư	Ngôn ngữ Anh	3,04
42	251102534	Chử Thị Khánh Linh	Ngôn ngữ Anh	3,03
43	251102474	Vũ Thảo Linh	Ngôn ngữ Anh	3,03
44	251102555	Vũ Thị Bảo Tâm	Ngôn ngữ Anh	3,03
45	251102462	Lê Đức Hiếu	Ngôn ngữ Anh	3,02

Scanned with CamScanner

STT	MSSV	Họ và tên	Ngành đang học	Điểm TBC
46	251102505	Lương Quỳnh Anh	Ngôn ngữ Anh	3,02
47	251102573	Nguyễn Hà Anh	Ngôn ngữ Anh	3,01
48	251102598	Nguyễn Đức Quang Huy	Ngôn ngữ Anh	3,01
49	251102559	Lê Ngọc Anh Thư	Ngôn ngữ Anh	3,00
50	251102478	Nguyễn Thị Ngọc Minh	Ngôn ngữ Anh	2,99
51	251103292	Bùi Gia Bảo	Ngôn ngữ Anh	2,99
52	251102608	Lê Ngọc Ly	Ngôn ngữ Anh	2,98
53	251102469	Ngô Ái Linh	Ngôn ngữ Anh	2,96
54	251102457	Bùi Đức Giang	Ngôn ngữ Anh	2,95
55	251102454	Nguyễn Minh Đức	Ngôn ngữ Anh	2,95
56	251102585	Lê Thị Anh Đào	Ngôn ngữ Anh	2,95
57	251102542	Cao Lê Ngọc Mai	Ngôn ngữ Anh	2,94
58	251102480	Nguyễn Minh Ngọc	Ngôn ngữ Anh	2,93
59	251102538	Nguyễn Ngọc Linh	Ngôn ngữ Anh	2,92
60	251102562	Hồ Huyền Trang	Ngôn ngữ Anh	2,92
61	251102602	Nghiêm Phương Linh	Ngôn ngữ Anh	2,91
62	251102546	Lương Ly Na	Ngôn ngữ Anh	2,91
63	251102466	Trần Ngọc Bảo Khanh	Ngôn ngữ Anh	2,90
64	251102625	Vũ Minh Thu	Ngôn ngữ Anh	2,89
65	251102580	Phạm Sao Băng	Ngôn ngữ Anh	2,88
66	251102525	Phạm Trường Giang	Ngôn ngữ Anh	2,88
67	251102498	Phan Đỗ Huyền Trang	Ngôn ngữ Anh	2,87
68	251102481	Trịnh Anh Nguyên	Ngôn ngữ Anh	2,86
69	251103288	Phạm Kim Chi	Ngôn ngữ Anh	2,86
70	251102510	Nguyễn Thị Nguyệt Anh	Ngôn ngữ Anh	2,84
71	251102613	Nguyễn Bảo Ngân	Ngôn ngữ Anh	2,83
72	251102568	Nguyễn Hoàng Yến	Ngôn ngữ Anh	2,82
73	251102460	Vũ Thị Ngọc Hà	Ngôn ngữ Anh	2,78
74	251102518	Trần Hoàng Khánh Đan	Ngôn ngữ Anh	2,75
75	251102438	Lê Ngọc Phương Anh	Ngôn ngữ Anh	2,72
76	251102540	Vũ Phương Linh	Ngôn ngữ Anh	2,72
77	251102576	Nguyễn Thảo Anh	Ngôn ngữ Anh	2,71
78	251102533	Lê Quốc Khánh	Ngôn ngữ Anh	2,71
79	251102592	Đinh Chúc Giỏi	Ngôn ngữ Anh	2,70
80	251102564	Nhâm Quỳnh Trang	Ngôn ngữ Anh	2,68
81	251102541	Trần Hải Long	Ngôn ngữ Anh	2,67
82	251102530	Đỗ Mạnh Hưng	Ngôn ngữ Anh	2,64
Danh sách gồm 82 sinh viên./.				

Scanned with CamScanner

BỘ TƯ PHÁP
TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH SINH VIÊN KHÓA 50 TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC HÌNH THỨC ĐÀO TẠO CHÍNH QUY TRÚNG TUYỂN HỌC CÙNG LÚC HAI CHƯƠNG TRÌNH - NGÀNH LUẬT KINH TẾ

(Kèm theo Quyết định số 2097/QĐ-ĐHLHN ngày 08 tháng 10 năm 2026 của Hiệu trưởng Trường Đại học Luật Hà Nội)

STT	MSSV	Họ và tên	Ngành đang học	Điểm TBC
1	251102527	Công Ngọc Bảo Hân	Ngôn ngữ Anh	3,55
2	251102472	Nguyễn Thị Thùy Linh	Ngôn ngữ Anh	3,49
3	251102471	Nguyễn Khánh Linh	Ngôn ngữ Anh	3,44
4	251102537	Nguyễn Khánh Linh	Ngôn ngữ Anh	3,44
5	251102586	Thân Ngọc Diệp	Ngôn ngữ Anh	3,44
6	251102497	Nguyễn Hoàng Huyền Trang	Ngôn ngữ Anh	3,43
7	251102535	Mai Thị Linh	Ngôn ngữ Anh	3,43
8	251102600	Nguyễn Đan Lê	Ngôn ngữ Anh	3,39
9	251102507	Nguyễn Hiền Anh	Ngôn ngữ Anh	3,38
10	251102601	Hồ Thị Khánh Linh	Ngôn ngữ Anh	3,38
11	251102609	Đặng Ngọc Mai	Ngôn ngữ Anh	3,37
12	251102581	Vũ Ngọc Bích	Ngôn ngữ Anh	3,33
13	251102612	Nguyễn Trang My	Ngôn ngữ Anh	3,33
14	251102504	Lê Đặng Hải Anh	Ngôn ngữ Anh	3,31
15	251102545	Nguyễn Thị Trà My	Ngôn ngữ Anh	3,31
16	251102491	Phạm Diệp Thi	Ngôn ngữ Anh	3,30
17	251102604	Nguyễn Khánh Linh	Ngôn ngữ Anh	3,30
18	251102523	Hoàng Bá Duy	Ngôn ngữ Anh	3,29
Danh sách gồm 18 sinh viên.				

Scanned with CamScanner

BỘ TƯ PHÁP
TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH SINH VIÊN KHÓA 50 TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC HÌNH THỨC ĐÀO TẠO CHÍNH QUY TRÚNG TUYỂN HỌC CÙNG LÚC HAI CHƯƠNG TRÌNH - NGÀNH LUẬT THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ

(Kèm theo Quyết định số 2097/QĐ-ĐHLHN ngày 08 tháng 10 năm 2026 của Hiệu trưởng Trường Đại học Luật Hà Nội)

STT	MSSV	Họ và tên	Ngành đang học	Điểm TBC
1	251102441	Nguyễn Hoàng Anh	Ngôn ngữ Anh	3,33
2	251102446	Vũ Quỳnh Anh	Ngôn ngữ Anh	3,29
3	251102444	Nguyễn Thị Tuệ Anh	Ngôn ngữ Anh	3,14
4	251102443	Nguyễn Thị Ngọc Anh	Ngôn ngữ Anh	3,13
5	251102448	Phạm Thanh Bình	Ngôn ngữ Anh	3,10
6	251103289	Nguyễn Thạch Thảo	Ngôn ngữ Anh	3,05
7	251102566	Nguyễn Khuê Tú	Ngôn ngữ Anh	3,00
8	251102572	Mai Vân Anh	Ngôn ngữ Anh	2,89
Danh sách gồm 8 sinh viên.				

Scanned with CamScanner

BỘ TƯ PHÁP
TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH SINH VIÊN KHÓA 50 TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC HÌNH THỨC ĐÀO TẠO CHÍNH QUY TRÚNG TUYỂN HỌC CÙNG LÚC HAI CHƯƠNG TRÌNH - NGÀNH LUẬT NGÔN NGỮ ANH CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH PHÁP LÝ

(Kèm theo Quyết định số 2092/QĐ-ĐHLHN ngày 08 tháng 10 năm 2026 của Hiệu trưởng Trường Đại học Luật Hà Nội)

STT	MSSV	Họ và tên	Ngành đang học	Điểm TBC
1	251011111	Nguyễn Trần Bảo Đan	Luật	3,74
2	251072074	Ngô Phương Chi	Luật Kinh tế	3,63
3	251011300	Ngô Thiên Ngân	Luật	3,62
4	251072890	Lê Thu Minh	Luật Kinh tế (CLC)	3,59
5	251071975	Phạm Thanh Huyền	Luật KT	3,59
6	251092415	Trần Hà Phương	Luật thương mại quốc tế	3,52
7	251072870	Hồ Đức Dương	Luật Kinh tế (CLC)	3,38
8	251012686	Nguyễn Trần Nam Khánh	Luật (CLC)	3,33
9	251011379	Nguyễn Thị Khánh Ngọc	Luật	3,31
10	251011779	Mông Thị Anh Thư	Luật	3,29
11	251012675	Nguyễn Quỳnh Anh	Luật (CLC)	3,25
12	251072887	Nguyễn Thị Khánh Linh	Luật Kinh tế (CLC)	3,22
13	251010739	Lê Huy Hoàng	Luật	3,21
14	251011078	Lê Mai Phương	Luật	3,19
15	251072881	Phạm Cát Khánh	Luật Kinh tế (CLC)	3,12
16	251092286	Vũ Phan Phương Thảo	Luật thương mại quốc tế	3,11
17	251012681	Nguyễn Trí Dũng	Luật (CLC)	2,96
18	251011692	Phạm Đình Phú	Luật	2,76
Danh sách gồm 18 sinh viên.				

Scanned with CamScanner